Ký bởi: VP HĐND và UBND xã Chà Tở

UBND XÃ CHÀ TỞ
VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29 /KH-VP

Chà Tở, ngày 21 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH
Truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027", Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 30/07/2026 của UBND xã Chà Tở về việc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết của HĐND xã, Văn phòng HĐND và UBND xã Chà Tở xây dựng Kế hoạch truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức truyền thông kịp thời, đầy đủ dự thảo Nghị quyết quy định tổng mức chi, định mức khoán chi đối với xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã Chà Tở do HĐND xã ban hành, nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch, nâng cao chất lượng và tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật.

Phát huy vai trò chủ trì, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện; tăng cường phối hợp của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức trong thực hiện truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

2. Yêu cầu

Hoạt động truyền thông được triển khai chủ động, công khai, chính xác và kịp thời trong quá trình lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa Văn phòng HĐND và UBND xã, các phòng chuyên môn và cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện truyền thông văn bản quy phạm pháp luật.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nội dung truyền thông

Mục đích, ý nghĩa, sự cần thiết ban hành dự thảo Nghị quyết quy định tổng mức chi, định mức khoán chi đối với xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã Chà Tở

Những nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết quy định tổng mức chi, định mức khoán chi đối với xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã Chà Tở.

Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến đối với dự thảo văn bản.

(Có tài liệu truyền thông và dự thảo Nghị quyết kèm theo)

2. Hình thức truyền thông

Đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Trang Thông tin điện tử xã địa chỉ: (https://chato.dienbien.gov.vn).

Nội dung thực hiện: Đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Trang thông tin điện tử xã.

Công chức chủ trì: Công chức Văn phòng HĐND và UBND phụ trách công tác xây dựng văn bản pháp luật.

Cơ quan phối hợp: Đề nghị Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phối hợp thực hiện.

3. Thời gian thực hiện truyền thông

Từ khi tổ chức lấy ý kiến đến khi Nghị quyết được HĐND xã thông qua và ban hành Nghị quyết.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng HĐND và UBND xã chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đăng tải Kế hoạch và dự thảo Nghị quyết. Đồng thời tổng hợp ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, cá nhân và báo cáo tiếp thu, giải trình hoàn thiện dự thảo, báo cáo UBND xã xem xét, trình HĐND xã ban hành đúng thời gian theo quy định.

2. Đề nghị Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã thực hiện đăng tải công khai toàn văn dự thảo Nghị quyết và tài liệu liên quan trên Trang Thông tin điện tử xã. Đồng thời theo dõi tổng hợp đầy đủ các ý kiến đóng góp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân gửi về Văn phòng HĐND và UBND xã để tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo.

Trên đây là Kế hoạch truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Văn phòng HĐND và UBND xã Chà Tở. Trong quá trình triển khai thực hiện phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Văn phòng HĐND và UBND xã *(đồng chí Dương Mạnh Cương, số điện thoại: 0396397699)* để tổng hợp, xử lý./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các đoàn thể xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Các bản trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VP.

CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
X.CHÀ TỞ-T.ĐIỆN BIÊN

Poòng Văn Vũ

TÀI LIỆU TRUYỀN THÔNG

Dự thảo Nghị quyết quy định tổng mức chi, định mức khoán chi đối với việc xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Chà Tở

(Kèm theo Kế hoạch số 29 /KH-VP ngày 21 /10/2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Chà Tở)

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Việc xây dựng, ban hành nghị quyết của HĐND và quyết định của UBND xã là hoạt động quan trọng nhằm cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương.

Quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phát sinh các khoản chi phục vụ cho việc soạn thảo, nghiên cứu, khảo sát, lấy ý kiến, tổ chức hội nghị, họp, thẩm định, kiểm tra và các hoạt động có liên quan.

Việc ban hành Nghị quyết quy định cụ thể tổng mức chi, định mức khoán chi đối với việc xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã nhằm tạo cơ sở để tổ chức thực hiện, thanh toán và quyết toán kinh phí theo đúng quy định; đồng thời bảo đảm việc sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả, công khai và minh bạch.

II. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Xác định cụ thể tổng mức chi, định mức khoán chi phục vụ công tác xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐND và UBND xã.

2. Tạo cơ sở thống nhất trong việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Bảo đảm kinh phí được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của xã Chà Tở.

4. Góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Dự thảo Nghị quyết tập trung quy định các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định tổng mức chi, định mức khoán chi đối với việc xây dựng nghị quyết của HĐND xã và quyết định của UBND xã thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí phục vụ xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã Chà Tở.

3. Nguyên tắc thực hiện

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, chế độ tài chính hiện hành và Nghị quyết được ban hành.

Các khoản chi phải gắn với nhiệm vụ xây dựng văn bản, có đầy đủ hồ sơ, chứng từ theo quy định; trường hợp áp dụng định mức khoán thì thực hiện theo mức được quy định trong Nghị quyết.

4. Tổng mức chi và định mức khoán chi

Dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể mức chi đối với từng loại nghị quyết, quyết định và từng hoạt động trong quá trình xây dựng văn bản, trên cơ sở quy định của cấp có thẩm quyền và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Các mức chi cụ thể được thể hiện tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết.

IV. NHỮNG NỘI DUNG NGƯỜI DÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC CẦN QUAN TÂM

Việc quy định tổng mức chi, định mức khoán chi chủ yếu liên quan đến quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo không đặt ra nghĩa vụ đóng góp tài chính đối với người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn.

Các nội dung cần tập trung góp ý gồm:

- Sự cần thiết ban hành Nghị quyết.
- Phạm vi và đối tượng áp dụng.
- Nguyên tắc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí.
- Mức chi, định mức khoán chi dự kiến.
- Sự phù hợp của các mức chi với nhiệm vụ thực tế.
- Tính khả thi của các quy định.
- Các nội dung khác có liên quan.

V. TÁC ĐỘNG DỰ KIẾN

Việc ban hành Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý và tài chính để thực hiện thống nhất công tác xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của HĐND và UBND xã.

Đối với cơ quan nhà nước, Nghị quyết góp phần thuận lợi trong việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí.

Đối với ngân sách địa phương, việc quy định cụ thể mức chi và định mức khoán chi góp phần chủ động trong cân đối, bố trí và kiểm soát kinh phí, bảo đảm sử dụng ngân sách đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ CHÀ TỞ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2026/NQ-HĐND	*Chà Tở, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Quy định tổng mức chi, định mức khoán chi đối với xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Chà Tở

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐCP;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ..... tháng ..... năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Chà Tở đề nghị ban hành Nghị quyết quy định tổng mức chi, định mức khoán chi đối với xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Chà Tở; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã Chà Tở số ...../BC-KTNS ngày ..... tháng ..... năm 2026; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp:

Hội đồng nhân dân xã Chà Tở ban hành Nghị quyết quy định tổng mức chi, định mức khoán chi đối với xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Chà Tở.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về tổng mức chi, định mức khoán chi đối với xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Chà Tở.

2. Các nội dung khác không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 197/2025/QH15; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã Chà Tở.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã Chà Tở.

Điều 3. Tổng mức chi xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã Chà Tở

1. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế:

a) Tổng mức chi xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã: 10.000.000 đồng/01 văn bản.

b) Tổng mức chi xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân xã: 8.000.000 đồng/01 văn bản.

2. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều thì áp dụng như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi trong xây dựng 01 nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cụ thể cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã được quy định theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Định mức khoán chi đối với xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã

1. Định mức khoán chi xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Chà Tở thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Định mức khoán chi đối với hoạt động soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, dự thảo quyết định Ủy ban nhân dân xã: thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Người đứng đầu đơn vị dự toán được giao thực hiện nhiệm vụ quy định tại Phụ lục I, căn cứ tình hình thực tế và quy định của Nghị quyết này để quyết định mức chi đối với hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị mình thực hiện, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không vượt định mức quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện đúng quy định trước thời điểm quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt được thanh toán, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện, tương ứng định mức khoán chi quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí cho công tác xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày ..... tháng ..... năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Chà Tở khóa XXII, Kỳ họp thứ ..... thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2026./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Phòng Xây dựng kiểm tra VBQPPL - Sở Tư pháp;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Trang Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lò Văn Kiên

Phụ lục I

TỔNG MỨC CHI, ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHÀ TỞ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Loại văn bản	Tổng mức chi	Thẩm tra, trình ký nghị quyết[1]	Soạn thảo[2]	Thẩm định[3]	Tổng hợp, rà soát, trình hồ sơ dự thảo nghị quyết, quyết định[4]
			Định mức khoán chi	Định mức khoán chi	Định mức khoán chi	Định mức khoán chi
1	**Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân**					
a	Văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi bổ sung từ 02 văn bản quy phạm pháp luật	10.000.000	2.000.000	6.000.000	1.500.000	500.000
b	Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật	6.000.000	1.200.000	3.600.000	900.000	300.000
c	Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật	3.000.000	600.000	1.800.000	450.000	150.000

[1] Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã là đơn vị dự toán.
[2] Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị dự toán.
[3] Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã là đơn vị dự toán.
[4] Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã là đơn vị dự toán.

2	**Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân**					
a	Văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi bổ sung từ 02 văn bản quy phạm pháp luật	8.000.000	-	6.000.000	1.500.000	500.000
b	Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật	4.800.000	-	3.600.000	900.000	300.000
c	Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật	2.400.000	-	1.800.000	450.000	150.000

Phụ lục II

ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRONG CÔNG TÁC SOẠN THẢO; THẨM ĐỊNH; TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ; THẨM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (đồng)					
			Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã			Quyết định của Ủy ban nhân dân xã		
			Văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi bổ sung từ 02 văn bản quy phạm pháp luật	Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật	Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật	Văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi bổ sung từ 02 văn bản quy phạm pháp luật	Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật	Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật
			Định mức khoán chi	Định mức khoán chi	Định mức khoán chi	Định mức khoán chi	Định mức khoán chi	Định mức khoán chi
A	**NHIỆM VỤ SOẠN THẢO**		6.000.000	3.600.000	1.800.000	6.000.000	3.600.000	1.800.000
1	Xây dựng Tờ trình	Tờ trình	1.000.000	600.000	300.000	1.000.000	600.000	300.000
2	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	2.500.000	1.500.000	750.000	2.500.000	1.500.000	750.000
3	Truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Kế hoạch, báo cáo kết quả truyền thông	1.000.000	600.000	300.000	1.000.000	600.000	300.000

4	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	500.000	450.000	225.000	750.000	450.000	225.000
5	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	500.000	450.000	225.000	750.000	450.000	225.000
6	Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm tra	Báo cáo giải trình	500.000	450.000	225.000	-	-	-
B	**NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH**		1.500.000	900.000	450.000	1.500.000	900.000	450.000
7	Trường hợp tự thẩm định							
	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	1.500.000	900.000	450.000	1.500.000	900.000	450.000
8	Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định							
a	Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Biên bản cuộc họp	500.000	300.000	150.000	500.000	300.000	150.000
b	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	1.000.000	600.000	300.000	1.000.000	600.000	300.000
9	Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản							
a	Lấy ý kiến thẩm định	Văn bản tham gia ý kiến	500.000	300.000	150.000	500.000	300.000	150.000
b	Xây dựng báo cáo thẩm định	Báo cáo thẩm định	1.000.000	600.000	300.000	1.000.000	600.000	300.000

C	**TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN**		500.000	300.000	150.000	500.000	300.000	150.000
10	Chuẩn bị tài liệu phục vụ phiên họp Ủy ban nhân dân xã hoặc hình thức lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân xã theo quy định	Biên bản cuộc họp hoặc văn bản lấy ý kiến	250.000	150.000	75.000	250.000	150.000	75.000
11	Hoàn thiện, trình hồ sơ sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân xã, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã	Quyết định/Dự thảo Nghị quyết	250.000	150.000	75.000	250.000	150.000	75.000
D	**NHIỆM VỤ THẨM TRA, TRÌNH KÝ NGHỊ QUYẾT**		2.000.000	1.200.000	600.000	-	-	-
12	Phân công thẩm tra					-	-	-
	Xây dựng văn bản phân công, điều chỉnh nội dung liên quan đến công tác thẩm tra	Thông báo phân công thẩm tra, điều chỉnh phân công kiểm tra	300.000	180.000	90.000	-	-	-
13	Chủ trì nội dung thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật					-	-	-
a	Tiếp nhận, rà soát hồ sơ, quy trình và tham mưu xây	Công văn, Kế hoạch hoặc Giấy mời họp phục vụ thẩm tra	400.000	240.000	120.000	-	-	-

	dựng các văn bản chuẩn bị thẩm tra							
b	Xây dựng báo cáo thẩm tra dự thảo văn bản	Báo cáo thẩm tra	1.000.000	600.000	300.000	-	-	-
14	Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình ký chứng thực, ban hành nghị quyết	Nghị quyết	300.000	180.000	90.000	-	-	-